

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 33k/2016/QĐ-PT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Văn Lang)

**Tên chương trình:** Chương trình đào tạo Cử nhân Quản trị Kinh doanh

**Trình độ đào tạo:** Đại học

**Ngành đào tạo:** Quản trị kinh doanh

**Mã số:** 52340101

**Loại hình đào tạo:** Chính quy tập trung

### 1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

**1.1 Mục tiêu chung:** Cử nhân Quản trị Kinh doanh được đào tạo 3 khối kiến thức: giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành quản trị kinh doanh, sinh viên ra trường có khả năng phân tích, xử lý thông tin doanh nghiệp, từ đó có thể tổ chức thực hiện các chiến lược tài chính, marketing, nhân sự,... quản trị và điều hành các hoạt động của doanh nghiệp hay tổ chức, có khả năng quản trị các rủi ro xảy ra trong quá trình thực hiện, có ý thức trách nhiệm, có đạo đức nghề nghiệp, có trình độ ngoại ngữ tốt; bảo đảm khi sinh viên ra trường có đủ năng lực đảm nhận công tác quản trị thuộc mọi lĩnh vực và cấp bậc tại các doanh nghiệp và tổ chức kinh tế.

#### 1.2 Mục tiêu cụ thể:

Tốt nghiệp chương trình Đại học Quản trị Kinh doanh, sinh viên đạt được các mục tiêu cụ thể sau:

#### Chuyên ngành Quản trị kinh doanh

##### - Về kiến thức:

**a. Chính trị:** Hiểu biết cơ bản về đường lối, chính sách, pháp luật của nhà nước; chủ nghĩa Mac Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam.

**b. Kinh tế:** Có kiến thức cơ bản về kinh tế vĩ mô, kinh tế vi mô, tài chính – tiền tệ, thị trường chứng khoán, thuế vụ, marketing,...

**c. Khoa học – toán ứng dụng:** Có kiến thức cơ bản về toán học ứng dụng trong kinh tế, kinh tế lượng, thống kê... bảo đảm khả năng tính toán, phân tích các hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp.

**d. Khoa học quản trị:** Có kiến thức chuyên sâu về khoa học quản trị để ứng dụng trong công tác quản trị kinh doanh như: Quản trị sản xuất & dịch vụ, quản trị chất lượng sản phẩm, nghiên cứu và quản trị marketing, quản trị tài chính, quản trị dự án, quản trị nguồn nhân lực, quản trị rủi ro trong kinh doanh, quản trị chuỗi cung ứng...

**e. Pháp luật:** Có kiến thức cơ bản về pháp luật đại cương, luật kinh tế, luật kinh doanh quốc tế.

**f. Hoạch định:** Có kiến thức cơ bản về chiến lược xây dựng nguồn nhân lực, chiến lược tài chính, chiến lược marketing... để có thể hoạch định và tham gia hoạch định về chiến lược và chính sách kinh doanh, xây dựng chương trình & kế hoạch kinh doanh tại các doanh nghiệp.

#### **- Về kỹ năng**

##### **Kỹ năng cứng:**

Trên cơ sở kiến thức được trang bị nêu trên, sinh viên được rèn luyện thêm các kỹ năng chuyên môn để có khả năng đảm nhận các hoạt động sau đây tại các doanh nghiệp:

- a. Quản trị các hoạt động sản xuất kinh doanh; Xây dựng, tổ chức quản lý thực hiện các dự án đầu tư trong kinh doanh
- b. Hoạch định các chiến lược tài chính, marketing, chính sách kinh doanh;
- c. Thương thảo, ký kết các hợp đồng kinh tế;
- d. Phân tích hoạt động, đánh giá hiệu quả các hoạt động kinh doanh;
- e. Xử lý các tình huống phát sinh, tổ chức phòng ngừa các rủi ro trong kinh doanh;
- f. Phát triển quan hệ quốc tế trong kinh doanh;
- g. Quản trị, phát triển nguồn nhân lực để phục vụ có hiệu quả hoạt động kinh doanh;
- h. Quản trị tài sản, tài chính doanh nghiệp.

##### **Kỹ năng mềm:**

- a. Có khả năng thăm dò, tiếp xúc, thu hút, thương lượng với các đối tượng khách hàng;
- b. Có khả năng tổ chức làm việc theo nhóm (team-work) để đạt hiệu quả tốt trong công tác;
- c. Có khả năng trình bày, thuyết phục trước đám đông và theo từng đối tượng khách hàng về mục tiêu kinh doanh của doanh nghiệp; hợp tác triển khai thực hiện các dự án, kế hoạch kinh doanh;
- d. Có trình độ tiếng Anh căn bản khi tốt nghiệp tương đương với 450 điểm TOEIC trở lên để có thể sử dụng và nâng cao trong quá trình làm việc;
- e. Có khả năng sử dụng thành thạo các công cụ tin học văn phòng và các phần mềm ứng dụng cần thiết trong hoạt động kinh doanh;
- f. Có khả năng xây dựng & phát triển môi trường văn hóa cho doanh nghiệp.

#### **- Về thái độ**

- a. Có phẩm chất đạo đức kinh doanh, có tinh thần nghề nghiệp, không vì tư lợi mà lừa dối khách hàng;
- b. Có tinh thần trách nhiệm, tác phong đứng đắn trung thực, thái độ vui vẻ, lịch sự trong giao tiếp;
- c. Có tinh thần cầu tiến, cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ trong quá trình làm việc và quan hệ trong kinh doanh;
- d. Có ý thức tôn trọng, chấp hành luật pháp nhà nước, đóng góp vào sự nghiệp phát triển chung.

### **Chuyên ngành Quản trị hệ thống thông tin**

#### **- Về kiến thức:**

**a. Lý luận chính trị cơ bản:** Hiểu biết về đường lối, chính sách và pháp luật của Nhà nước CHXHCN Việt Nam; hiểu biết cơ bản về Chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam;

**b. Khoa học cơ sở:** Có kiến thức cơ bản về toán học ứng dụng trong kinh tế: kinh tế lượng, thống kê, bảo đảm khả năng tính toán, phân tích các vấn đề trong kinh doanh và các kiến thức về khoa học xã hội đáp ứng cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên ngành và nâng cao trình độ học tập;

**c. Khoa học quản trị:** Có kiến thức chuyên sâu về khoa học quản trị để ứng dụng trong công tác quản trị kinh doanh như: quản trị marketing, quản trị tài chính, quản trị dự án, quản trị nguồn nhân lực, quản trị chuỗi cung ứng...

#### **d. Kiến thức chuyên ngành Quản trị hệ thống thông tin**

- Có kiến thức về tổ chức bộ máy quản lý doanh nghiệp, quản lý nguồn nhân lực, quản lý tài chính, quản lý thị trường, khách hàng và hệ thống thông tin;
- Có kiến thức về quản lý dự án để tổ chức thực hiện, điều hành các dự án, phương án, kế hoạch của tổ chức, doanh nghiệp, kiểm soát, giám sát các hoạt động doanh nghiệp; điều chỉnh phương án hoạt động khi có những vấn đề phát sinh;
- Hiểu biết nền tảng hệ thống thông tin và áp dụng được các công cụ CNTT phục vụ cho quản lý và lãnh đạo doanh nghiệp;
- Hiểu biết và trình bày được những giới hạn của việc phát triển với những khả năng hiện có về các nguồn lực tài chính, công nghệ của tổ chức, cách thức phát triển các quy trình chuẩn, tái cấu trúc, cải tiến quy trình nghiệp vụ dựa trên kho dữ liệu vận hành của tổ chức.
- Nhận diện, nắm bắt được những kết quả tìm kiếm quan trọng từ việc phân tích kho dữ liệu lớn trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp cũng như các dữ liệu mạng xã hội bên ngoài doanh nghiệp. Sử dụng được các kết quả phân tích như là nền tảng của việc thiết kế các quy trình nghiệp vụ dựa trên sự hiểu biết sâu sắc về tổ chức và CNTT.

**e. Pháp luật:** Có kiến thức cơ bản về pháp luật đại cương, luật kinh tế, luật kinh doanh quốc tế.

**f. Hoạch định:** Có kiến thức cơ bản về chiến lược xây dựng nguồn nhân lực, chiến lược tài chính, chiến lược marketing... để có thể hoạch định và tham gia hoạch định về chiến lược và chính sách kinh doanh, xây dựng chương trình & kế hoạch kinh doanh tại các doanh nghiệp.

**- Về kỹ năng**

**Kỹ năng cứng:**

Trên cơ sở kiến thức được trang bị nêu trên, sinh viên được rèn luyện thêm các kỹ năng chuyên môn để có khả năng đảm nhận các hoạt động sau đây tại các doanh nghiệp:

- a. Có năng lực quản trị công việc trên nền công nghệ thông tin;
- b. Có khả năng phân tích doanh nghiệp, xác định yêu cầu doanh nghiệp;
- c. Có khả năng lập kế hoạch quản lý quan hệ khách hàng, quản lý công nhân tri thức, nguồn nhân lực, quản lý tài chính trên nền công nghệ thông tin;
- d. Có khả năng quản lý công nghệ và các quy trình của doanh nghiệp;
- e. Có khả năng kết hợp các công cụ quản trị kinh doanh và ứng dụng của hệ thống thông tin để tối đa hóa hiệu năng của doanh nghiệp;
- f. Có khả năng tư duy logic, thiết kế hệ thống, xử lý tình huống, giải quyết vấn đề;
- g. Có khả năng đàm phán kinh doanh quốc tế trong kinh doanh;
- h. Có khả năng quản trị, phát triển nguồn nhân lực để phục vụ có hiệu quả hoạt động kinh doanh;

**Kỹ năng mềm:**

- a. Có kỹ năng trình bày, kỹ năng thuyết phục, kỹ năng nghe, kỹ năng nói, kỹ năng xã hội;
- b. Có khả năng đọc, tìm kiếm, lưu trữ, trao đổi, thảo luận, cộng tác qua mạng;
- c. Biết tổ chức công việc, quản lý thời gian, làm việc nhóm và chia sẻ thông tin;
- d. Có khả năng làm việc nhóm hiệu quả;
- e. Hiểu được tâm lý để thúc đẩy hiệu quả của nguồn nhân lực;
- f. Có khả năng sử dụng tiếng Anh giao tiếp, đọc tài liệu tiếng Anh chuyên ngành. Khi tốt nghiệp sinh viên có trình độ tiếng Anh tương đương 450 TOEIC.

**- Về thái độ và đạo đức nghề nghiệp**

- a. Tôn trọng pháp luật và điều hành doanh nghiệp trong khuôn khổ pháp luật;
- b. Có ý thức trách nhiệm với xã hội;
- c. Tôn trọng các nguyên tắc đạo đức cá nhân và đạo đức nghề nghiệp trong kinh doanh;
- d. Năng động, cầu tiến, tự tin trong công việc, có khả năng làm việc độc lập.

***1.3 Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp***

### **Chuyên ngành Quản trị kinh doanh**

- a. Có khả năng đảm nhận các vị trí công tác tại các doanh nghiệp từ nhân viên chuyên môn, chuyên viên nghiên cứu, đến các chức vụ trưởng phó phòng, trợ lý, giám đốc, phó giám đốc, thành viên Hội đồng Quản trị...
- b. Có khả năng làm Trưởng, Phó, chuyên viên, nhân viên trong Ban Quản lý Dự án đầu tư, kinh doanh.
- c. Có khả năng tham gia các đoàn công tác đối ngoại của các tổ chức kinh tế để thăm dò, thương thảo, tổ chức thực hiện các chương trình, dự án hợp tác.
- d. Có khả năng đảm nhận các công việc và vị trí được phân công tại các cơ quan quản lý Nhà nước.

### **Chuyên ngành Quản trị hệ thống thông tin**

Sau khi tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh chuyên sâu Quản trị hệ thống thông tin, sinh viên có khả năng tham gia vào các vị trí đang có nhu cầu rất cao trong doanh nghiệp theo trình độ và kinh nghiệm như sau:

- a. Trong thời gian đầu (ít hơn 3 năm), SV có thể làm việc ở các vị trí sau:
  - Chuyên viên bán hàng, quản lý mối quan hệ khách hàng trong lĩnh vực CNTT.
  - Chuyên viên tư vấn giải pháp HTTT cho doanh nghiệp.
  - Chuyên viên quản lý cơ sở dữ liệu
  - Chuyên viên thiết kế HTTT.
- b. Từ 3-5 năm có khả năng đảm trách các vị trí:
  - Chuyên viên tư vấn và kiểm định HTTT
  - Trưởng nhóm, quản lý dự án HTTT
  - Kiến trúc sư HTTT
  - Quản lý công nghệ thông tin, HTTT trong doanh nghiệp.
  - Quản lý an ninh, an toàn HTTT
- c. Về dài hạn (trên 5-10 năm) có thể phát triển nghề nghiệp ở những vị trí cấp cao:
  - Giám đốc CNTT/HTTT của tổ chức (CIO, CTO, CSO)
  - Giám đốc đào tạo và xây dựng chuẩn/ quy trình cho doanh nghiệp
  - Giám đốc điều hành doanh nghiệp (CEO)
- d. Có khả năng làm việc cho các cơ quan nhà nước.

#### ***1.4 Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường:***

- a. Tham dự các chương trình đào tạo chuyên sâu, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, cập nhật công nghệ...trong và ngoài nước.
- b. Tham dự các chương trình đào tạo sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) trong lĩnh vực kinh tế, quản trị kinh doanh tại các trường đại học trong và ngoài nước.

### ***1.5 Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:***

Có năng lực về chuyên môn quản trị đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

## **2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm**

## **3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA:**

**Chuyên ngành Quản trị kinh doanh: 187 ĐVHT (tương đương 130 tín chỉ)** không kể học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng.

**Chuyên ngành Quản trị hệ thống thông tin: 136 tín chỉ**, không kể học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng.

**4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:** các đối tượng đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương đã trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh đại học hằng năm Khối A, A1, D, D1.

## **5. QUI TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:**

**Quy trình đào tạo:** Chương trình đào tạo được xây dựng gồm các học phần bắt buộc, sinh viên cần phải đạt được 187 ĐVHT (tương đương 130 tín chỉ) đối với chuyên ngành quản trị kinh doanh và 136 tín chỉ đối với chuyên ngành quản trị hệ thống thông tin, được phân bổ trong 8 học kỳ. Sau khi hoàn thành các môn học, sinh viên thi tốt nghiệp hoặc làm khóa luận tốt nghiệp.

**Điều kiện tốt nghiệp:** theo quy chế đào tạo Đại học, Cao đẳng hiện hành.

## **6. THANG ĐIỂM: 10**

## 7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH:

### CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH: (130 TÍN CHỈ)

Mã HP	Môn học	Tín chỉ
	<b>Kiến thức giáo dục đại cương (38%)</b>	<b>50</b>
	<b>Lý luận Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh</b>	<b>10</b>
DCT0010 DCT0011	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin	<b>5</b>
DCT0030	Tư tưởng HCM	<b>2</b>
DCT0020	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	<b>3</b>
	<b>Khoa học xã hội</b>	<b>5</b>
DPL0010	Pháp luật đại cương	<b>2</b>
DMT0020	Môi trường và con người	<b>2</b>
DXH0021	Phương pháp học Đại học	<b>1</b>
	<b>Nhân văn – Nghệ thuật</b>	<b>2</b>
DQT0020	Đạo đức kinh doanh	<b>2</b>
	<b>Ngoại ngữ</b>	<b>22</b>
DTA0010	Tiếng Anh	<b>22</b>
	<b>Toán - Tin học</b>	<b>11</b>
DTN0011	Đại số tuyến tính C	<b>2</b>
DTN0041	Giải tích C	<b>3</b>
DTN0070	Lý thuyết xác suất và thống kê toán B	<b>3</b>
DTH0010	Tin học cơ bản	<b>3</b>
<b>DGT0010</b>	<b>Giáo dục Thể chất</b>	
<b>DQP0010</b>	<b>Giáo dục Quốc phòng</b>	
	<b>Kiến thức cơ sở của ngành (13%)</b>	<b>17</b>
DKT0010	Kinh tế vi mô	<b>3</b>
DKT0030	Kinh tế vĩ mô	<b>3</b>
DKT0021	Marketing căn bản	<b>2</b>
DAC0010	Nguyên lý kế toán	<b>3</b>

<b>Mã HP</b>	<b>Môn học</b>	<b>Tín chỉ</b>
DQT0010	Quản trị học	3
DKT0061	Kinh tế lượng	3
	<b>Kiến thức chuyên ngành (49%)</b>	<b>63</b>
DAC0260	Kế toán quản trị	2
DQT1050	Phân tích Tài chính	2
DQT0310	Phân tích hoạt động kinh doanh	2
DQT0101	Quản trị tài chính	2
DKT0081	Tài chính tiền tệ	2
DFB0250	Thị trường chứng khoán	2
DCC0010	Quản trị quan hệ khách hàng	2
DQT0110	Quản trị Marketing	2
DQT0050	Nghiên cứu thị trường	2
DQT0041	Quản trị nguồn nhân lực	3
DQT0400	Động lực thúc đẩy nguồn nhân lực (Human motivation)	2
DQT0121	Quản trị chiến lược	2
DQT0132	Quản trị chất lượng	2
DQT0140	Quản trị sản xuất	2
DQT0081	Quản trị rủi ro và Bảo hiểm kinh doanh	2
DQT0090	Quản trị dự án	2
DCC0111	Quản trị chuỗi cung ứng	2
DCC0042	Nghiệp vụ ngoại thương và thanh toán quốc tế	3
DPL0030	Luật kinh tế	3
DKT0040	Thuế	2
DXH0041	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
DPR0060	Kỹ năng giao tiếp	2
DXH0071	Kỹ năng làm việc nhóm	2
DQT0200	Hành vi tổ chức	2
DKT0160	Quan hệ kinh tế quốc tế	2
<b>DQT0330</b>	<b>Thực tập</b>	<b>2</b>
<b>DQT0410</b>	<b>Thi tốt nghiệp hoặc Khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>8</b>
<b>DCT0070</b>	<b>Thi môn chính trị</b>	



Mã HP	Môn học	Tín chỉ
	<b>Tổng</b>	<b>130</b>

**CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN: (137 TÍN CHỈ)**

TT	Nội dung	Tín chỉ
<b>1</b>	<b><i>Kiến thức giáo dục đại cương</i></b>	<b>50</b>
<b>1.1</b>	<b>Lý luận Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh</b>	
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin	5
2	Tư tưởng HCM	2
3	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3
<b>1.2</b>	<b>Khoa học xã hội</b>	
1	Pháp luật đại cương	2
2	Môi trường và con người	2
3	Phương pháp học đại học	1
<b>1.3</b>	<b>Nhân văn – Nghệ thuật</b>	
1	Đạo đức kinh doanh	2
<b>1.4</b>	<b>Ngoại ngữ</b>	
1	Tiếng Anh (1,2,3,4,5,6,7)	22
<b>1.5</b>	<b>Toán – Tin học</b>	
1	Đại số tuyến tính C	2
2	Giải tích C	3
3	Lý thuyết xác suất và thống kê toán B	3
4	Tin học đại cương	3
<b>1.6</b>	<b>Giáo dục Thể chất</b>	
<b>1.7</b>	<b>Giáo dục Quốc phòng</b>	
<b>2</b>	<b><i>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</i></b>	<b>86</b>
<b>2.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở của ngành</b>	<b>17</b>
1	Kinh tế vi mô	3
2	Kinh tế vĩ mô	3
3	Marketing căn bản	2
4	Nguyên lý kế toán	3
5	Kinh tế lượng	3
6	Quản trị học	3
<b>2.2</b>	<b>Kiến thức ngành</b>	<b>59</b>
1	Tài chính tiền tệ	2
2	Quản trị tài chính	2
3	Phân tích tài chính	2
4	Thị trường chứng khoán	2
5	Động lực thúc đẩy nguồn lực	2
6	Quản trị nguồn nhân lực	2

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Tín chỉ</b>
7	Động lực nhóm và giao tiếp	2
8	Hành vi tổ chức	2
9	Luật kinh tế	3
10	Quản trị quan hệ khách hàng	2
11	Quản trị Marketing	2
12	Thuế	2
13	Quản trị chuỗi cung ứng	2
14	Introduction to ISM (Nhập môn Quản lý Hệ thống thông tin)	3
15	Nền tảng máy tính	2
16	Information system application – Database (Cơ sở dữ liệu)	3
17	IS theories and practice (Lý thuyết và thực hành hệ thống thông tin)	3
18	Process & quality management (Quản lý quy trình và chất lượng hệ thống thông tin)	3
19	Requirements Engineering (Kỹ nghệ yêu cầu)	3
20	Business Value (Giá trị doanh nghiệp)	3
21	ISM and practices (Quản lý dự án hệ thống thông tin)	3
22	Business Process Management (Quản lý quy trình doanh nghiệp)	3
23	Business Data Analysis (Phân tích dữ liệu doanh nghiệp)	2
24	Introduction to network and security (Tổng quan mạng và an ninh mạng)	2
25	Đồ án hệ (ERP)	2
<b>2.3</b>	<b>Thực tập tốt nghiệp và Thi tốt nghiệp</b>	<b>10</b>
1	Thực tập	2
2	Thi tốt nghiệp	8
3	Thi môn chính trị	0
	<b>Tổng</b>	<b>136</b>

## 8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY CHO TỪNG HỌC KỲ

### CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

Năm 1

#### Học kỳ I

STT	TÊN MÔN HỌC	Tín chỉ	Lý thuyết	Tự học
1	Những NLCB CN Mác Lênin	2	30	60
2	Anh văn 1	3	45	90
3	Pháp luật đại cương	2	30	60
4	Kỹ năng học đại học	1	15	30
5	Quản trị học	3	45	90
6	Kinh tế vi mô	3	45	90
7	Đại số tuyến tính C	2	30	60
8	Tin học cơ bản	3	45	90
<b>Tổng</b>		<b>19</b>		

#### Học kỳ II

STT	TÊN MÔN HỌC	Tín chỉ	Lý thuyết	Tự học
1	Những NLCB CN Mác Lênin	3	45	90
2	Anh văn 2	3	45	90
3	Nguyên lý kế toán	3	45	90
4	Giải tích C	3	45	90
5	Marketing căn bản	2	30	60
6	Kinh tế vĩ mô	3	45	90
7	Giáo dục quốc phòng			
8	Đạo đức kinh doanh	2	30	60
<b>Tổng</b>		<b>19</b>		

## Năm 2

### Học kỳ I

STT	TÊN MÔN HỌC	Tín chỉ	Lý thuyết	Tự học
1	Kế toán quản trị	2	30	60
2	Nghiên cứu thị trường	2	30	60
3	Anh văn 3	3	45	90
4	Lý thuyết xác suất thống kê toán B	3	45	90
5	Tài chính tiền tệ	2	30	60
6	PP nghiên cứu khoa học	2	30	60
7	Kỹ năng làm việc nhóm	2	30	60
8	Giáo dục thể chất			
	<b>Tổng</b>	<b>16</b>		

### Học kỳ II

STT	TÊN MÔN HỌC	Tín chỉ	Lý thuyết	Tự học
1	Anh văn 4	3	45	90
2	Kinh tế lượng	3	45	90
3	Luật kinh tế	3	45	90
4	Hành vi tổ chức	2	30	60
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	60
6	Quản trị Marketing	2	30	60
7	Phân tích tài chính	2	30	60
	<b>Tổng</b>	<b>17</b>		

### Năm 3

#### Học kỳ I

STT	TÊN MÔN HỌC	Tín chỉ	Lý thuyết	Tự học
1	Quản trị nguồn nhân lực	3	45	90
2	Quản trị khách hàng	2	30	60
3	Phân tích hoạt động kinh doanh	2	30	60
4	Đường lối CM Đảng CSVN	3	45	90
5	Quan hệ kinh tế quốc tế	2	30	60
6	Thuế	2	30	60
7	Anh văn 5	3	45	90
	<b>Tổng</b>	<b>17</b>		

#### Học kỳ II

STT	TÊN MÔN HỌC	Tín chỉ	Lý thuyết	Tự học
1	Kỹ năng giao tiếp	2	30	60
2	Môi trường và con người	2	30	60
3	Anh văn 6	3	45	90
4	Quản trị rủi ro	2	30	60
5	Thị trường chứng khoán	2	30	60
6	Quản trị sản xuất	2	30	60
7	Quản trị tài chính	2	30	60
8	Quản trị chuỗi cung ứng	2	30	60
	<b>Tổng</b>	<b>17</b>		

## Năm 4

### Học kỳ I

STT	TÊN MÔN HỌC	Tín chỉ	Lý thuyết	Tự học
1	Anh văn 7	4	60	120
2	Nghiệp vụ ngoại thương và thanh toán quốc tế	3	45	90
3	Quản trị dự án	2	30	60
4	Quản trị chất lượng	2	30	60
5	Quản trị chiến lược	2	30	60
6	Động lực thúc đẩy nguồn nhân lực	2	30	60
	<b>Tổng</b>	<b>15</b>		

### Học kỳ II

STT	TÊN MÔN HỌC	Tín chỉ	Lý thuyết	Tự học
1	Thực tập tốt nghiệp	2	90	
2	Khóa luận tốt nghiệp	8	360	
3	Hoặc thi tốt nghiệp			
4	Thi chính trị			
	<b>Tổng</b>	<b>10</b>		

## CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN

### Học kỳ 1

STT	TÊN MÔN HỌC	Tín chỉ	Lý thuyết
1	Những NLCB CN Mác Lênin	2	30
2	Anh văn 1	4	60
3	Pháp luật đại cương	2	30
4	Phương pháp học đại học	1	15
5	Quản trị học	3	45
6	Kinh tế vi mô	3	45
7	Toán cao cấp 1	2	30
	<b>Tổng</b>	<b>17</b>	

**Học kỳ 2**

STT	TÊN MÔN HỌC	Tín chỉ	Lý thuyết
1	Những NLCB CN Mác Lênin	3	45
2	Anh Văn 2	3	45
3	Nguyên lý kế toán	3	45
4	Toán cao cấp 2	3	45
5	Kinh tế vĩ mô	3	45
6	Tin học đại cương	3	45
7	Giáo dục quốc phòng		
<b>Tổng</b>		<b>18</b>	

**Học kỳ 3**

STT	TÊN MÔN HỌC	Tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành
1	Introduction to ISM (Nhập môn Quản lý Hệ thống thông tin)	3	15	60
2	Nền tảng máy tính	2	15	30
3	Business Value (Giá trị doanh nghiệp)	3	15	60
4	Anh văn 3	3	45	
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	
6	Marketing căn bản	2	30	
7	Tài chính tiền tệ	2	30	
8	Giáo dục thể chất			
<b>Tổng</b>		<b>17</b>		

**Học kỳ 4**

STT	TÊN MÔN HỌC	Tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành
1	Anh văn 4	3	45	
2	Luật kinh tế	3	45	
3	Database (cơ sở dữ liệu)	3	15	60
4	Động lực nhóm và giao tiếp	2	30	
5	Đạo đức kinh doanh	2	30	
6	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	45	
7	Phân tích tài chính	2	30	
<b>Tổng</b>		<b>18</b>		

**Học kỳ 5**

STT	TÊN MÔN HỌC	Tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành
1	Business Process Management (Quản lý quy trình doanh nghiệp)	3	45	0
2	Requirement engineering (Kỹ thuật lấy yêu cầu)	3	30	30
3	Môi trường con người	2	30	
4	Hành vi tổ chức	2	30	
5	Quản trị Marketing	2	30	
6	Thị trường chứng khoán	2	30	

7	Anh văn 5	3	45	
	<b>Tổng</b>	<b>17</b>		

### Học kỳ 6

STT	TÊN MÔN HỌC	Tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành
1	Đường lối CM Đảng CSVN	3	45	
2	ISM and practices (Quản lý dự án hệ thống thông tin)	3	15	60
3	Quản trị quan hệ khách hàng	2	30	
4	Kinh tế lượng	3	45	
5	Quản trị nguồn nhân lực	2	30	
6	Thuế	2	30	
7	Anh văn chuyên ngành quản trị 1	3	45	
	<b>Tổng</b>	<b>18</b>		

### Học kỳ Hè

HỌC KỲ HÈ		
STT	TÊN MÔN HỌC	Tín chỉ
1	Đồ án 2 (ERP)	2
	<b>Tổng</b>	<b>2</b>

### Học kỳ 7

STT	TÊN MÔN HỌC	Tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành
1	Quản trị tài chính	2	30	
2	Anh văn chuyên ngành quản trị 2	3	45	
3	IS theory and practices (lý thuyết và thực hành hệ thống tin)	3	30	30
4	Process & quality management (Quản lý quy trình và chất lượng HTTT)	3	30	30
5	Business Data Analysis (Phân tích dữ liệu doanh nghiệp)	2	15	30
6	Introduction to network and security (Tổng quan mạng và an ninh mạng)	2	15	30
7	Động lực thúc đẩy nguồn lực	2	30	
8	Quản trị chuỗi cung ứng	2	30	
	<b>Tổng</b>	<b>19</b>		

### Học kỳ 8

STT	TÊN MÔN HỌC	Tín chỉ
1	Thực tập tốt nghiệp	2
2	Thi tốt nghiệp	8
3	Thi chính trị	0
	<b>Tổng</b>	<b>10</b>



## 9. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH:

Người học được các Cố vấn học tập hướng dẫn lập kế hoạch học tập trong toàn khóa học và đăng ký học phần theo kế hoạch của từng ngành).

*TP HCM, ngày 01 tháng 02 năm 2016*

**Q. HIỆU TRƯỞNG**



**TS. NGUYỄN ĐẮC TÂM**